



Số 1328/2017 – BM/HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
v/v Ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh ban hành kèm theo Quyết định số 0666/2016 – BM/HĐQT ngày 26/05/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
- Căn cứ Tờ trình Hội đồng quản trị ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh v/v trình phê duyệt dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số 1045/2017-BM/HĐQT ngày 11/8/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế công bố thông tin*” của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.
- Điều 2.** “*Quy chế công bố thông tin*” này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Quyết định này và thay thế cho các quy định có liên quan đã ban hành trước đây của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị; các Ông / Bà Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; các Giám đốc Ban / Phòng / Trung Tâm, các công ty thành viên, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HDQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VPTSC, VPHDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Song Lai

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1328/2017 -BM/HĐQT ngày 20/9/2017)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	6
Điều 4. Nghĩa vụ công bố thông tin	7
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	7
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin, hình thức thông tin	10
Điều 7. Điều chỉnh, tạm hoãn công bố thông tin	11
 CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 8. Nội dung công bố thông tin	11
 CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	
Điều 9. Công bố thông tin định kỳ	12
Điều 10. Công bố thông tin bất thường	15
Điều 11. Công bố thông tin bất thường trong một số trường hợp đặc biệt	18
Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu	18
Điều 13. Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu	19
Điều 14. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu ra công chúng	19
 CHƯƠNG IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	
Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ	20
Điều 16. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn	20
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	21

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	21
Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua cổ phiếu quỹ	22

CHƯƠNG V. PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 20. Trách nhiệm, quan hệ giữa các Phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin	22
---	----

CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện	23
Điều 22. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	23
Điều 23. Hiệu lực thi hành	23

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Ý nghĩa

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “**Quy chế**”) được xây dựng và ban hành nhằm thực hiện trách nhiệm công bố thông tin theo luật định một cách công khai, minh bạch, đầy đủ, khách quan và rõ ràng, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này qui định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (sau đây gọi tắt là “**Bảo Minh/Công ty**”), trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Phòng, Ban, bộ phận của Bảo Minh trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin. Quy chế này bao gồm một số nội dung chủ yếu như sau:

- a. Các nguyên tắc công bố thông tin;
- b. Chế độ báo cáo và công bố thông tin;
- c. Người thực hiện công bố thông tin;
- d. Phương tiện công bố thông tin;
- e. Nội dung công bố thông tin;
- f. Công bố thông tin của công ty (hình thức, trình tự, thủ tục công bố thông tin);
- g. Trách nhiệm phối hợp trong công bố thông tin;
- h. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm về công bố thông tin,

3. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

- a. Bảo Minh;
- b. Các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo qui định của pháp luật, bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Cổ đông sáng lập của Công ty trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
- c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này;
2. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. **Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin** hoặc **Nhà đầu tư** bao gồm:
- Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty,
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - Nhà đầu tư là tổ chức và/hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- b. **Người nội bộ của công ty** bao gồm:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) và các thành viên HĐQT;
 - Trưởng Ban Kiểm soát (BKS) và các thành viên Ban Kiểm soát (BKS),
 - Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ (nếu có);
 - Tổng Giám đốc (TGD), Phó Tổng Giám đốc (Phó TGD), Kế toán trưởng (KTT), Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán; các vị trí quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hoặc HĐQT bổ nhiệm; các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được ủy nhân danh Công ty khi tham gia giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều lệ (nếu có);
 - Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều lệ;
 - Người được ủy quyền công bố thông tin.
- c. **Người có liên quan của người nội bộ** là các cá nhân, pháp nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với người nội bộ của Công ty trong các trường hợp do pháp luật quy định;
- d. **Cổ đông lớn** là cổ đông hoặc nhóm cổ đông được xác định theo quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006;
- e. **Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin được xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin được quy định tại Quy chế này;
- f. **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin** là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua thư điện tử (email), ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước;
- g. **Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết** của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết do Công ty đã phát hành nhưng không bao gồm số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ;
- h. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho Công ty** là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của công ty theo quy định pháp luật;
- i. **Công ty** hoặc **Bảo Minh** là Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;

- j. *Nhân viên của Công ty* là người lao động đang làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động còn hiệu lực được giao kết giữa Công ty và người lao động đó;
- k. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch được thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán; hoặc
 - Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật và phải bảo đảm:
 - a. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - b. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán;
 - c. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thông tin email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý;
2. Đối tượng công bố thông tin theo qui định tại Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của Công ty được niêm yết về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin;
3. Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố theo quy định sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm;

4. Ngôn ngữ công bố thông tin bắt buộc phải là tiếng Việt. Mọi trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Anh thì nội dung bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Thông tin phải được công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời theo định kỳ và/hoặc bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty;
2. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư;
3. Các thông tin phải công bố; hình thức, trình tự, thủ tục công bố thông tin được thực hiện theo Quy chế này, theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
4. Việc công bố thông tin phải bảo đảm để cổ đông và công chúng có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ sử dụng trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Đối với Công ty

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho 01 người để thực hiện công bố thông tin nhưng phải chịu trách nhiệm cuối cùng về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin cung cấp. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc thường trực hoặc Phó Tổng Giám đốc khác được Tổng Giám đốc phân công có trách nhiệm thay thế để thực hiện công bố thông tin;

- a. Công ty phải đăng ký người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục 01** cùng với Bản cung cấp thông tin theo **Phụ lục 03** ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin phải được đăng ký tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực;
- b. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm công khai tên, số điện thoại làm việc của bản thân;
- c. Tổng Giám đốc có quyền phân công cho một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phê duyệt nội dung công bố thông tin hoặc chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin trong từng trường hợp cụ thể.

2. Đối với nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin

Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin có thể tự mình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty, Trung tâm Lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên cơ sở tuân thủ các quy định sau:

- a. Trường hợp tự mình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quy chế này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
 - b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục 02 cùng với Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực;
 - c. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
3. Đối với người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn và các đối tượng khác
- Trách nhiệm công bố thông tin của người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn và các đối tượng khác được thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.
4. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin:
 - a. Tổng Giám đốc phải ủy quyền cho ít nhất một người là nhân viên của Công ty để thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin;
 - b. Ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền công bố thông tin cho người là nhân viên của công ty đã giao kết hợp đồng với Bảo Minh để công ty đó thực hiện công việc công bố thông tin của Bảo Minh theo Quy chế này;
 - c. Trường hợp Tổng Giám đốc ủy quyền cho nhiều người thực hiện công bố thông tin, nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền của mỗi người nhận ủy quyền sẽ được Tổng Giám đốc quyết định trong từng trường hợp cụ thể;
 - d. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin, tài liệu và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo Quy chế này;
 - e. Quyền của người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin:
 - Thực hiện công bố thông tin của Công ty theo Quy chế này trong phạm vi và nội dung được ủy quyền;

- Đề nghị các cá nhân, đơn vị (Phòng / Ban / Trung tâm / công ty thành viên) trong Công ty hỗ trợ, phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan và nhằm thực hiện việc công bố thông tin của Công ty;
 - Yêu cầu cá nhân, đơn vị phụ trách về công nghệ thông tin của Công ty hướng dẫn, hỗ trợ hoặc trực tiếp thực hiện các công việc cần thiết đòi hỏi tính kỹ thuật về công nghệ thông tin trong quá trình công bố thông tin;
 - Trực tiếp liên hệ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các nhà đầu tư, các cá nhân, tổ chức khác có liên quan và nhằm thực hiện việc công bố thông tin của Công ty;
 - Được Công ty cung cấp, hỗ trợ các trang, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện việc công bố thông tin của công ty theo phê duyệt của Tổng Giám đốc;
 - Trực tiếp báo cáo Tổng Giám đốc hoặc gửi văn bản báo cáo Tổng Giám đốc thông qua văn phòng trụ sở chính về quá trình và kết quả thực hiện công bố thông tin;
 - Các quyền khác do Tổng Giám đốc quyết định trong từng trường hợp cụ thể và theo quy chế nội bộ của Công ty.
- f. Nghĩa vụ, trách nhiệm của người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin:
- Không được ủy quyền lại một phần hoặc toàn bộ việc công bố thông tin của mình cho người khác, trừ trường hợp được Tổng Giám đốc chấp thuận;
 - Thực hiện đúng và đầy đủ việc công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;
 - Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mãn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học;
 - Công khai tên, số điện thoại, thư điện tử (email) làm việc của bản thân để cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên hệ;
 - Theo dõi, cập nhật, thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến việc công bố thông tin định kỳ quy định tại Quy chế này;
 - Báo cáo Tổng Giám đốc về toàn bộ nội dung công bố thông tin trước khi thực hiện và chỉ được thực hiện công bố thông tin sau khi được Tổng Giám đốc phê duyệt;
- Trong trường hợp Tổng Giám đốc không có mặt thì báo cáo trực tiếp cho Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách và chỉ được thực hiện công bố thông tin sau khi được Phó Tổng Giám đốc phụ trách phê duyệt;
- Báo cáo Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện công bố thông tin;
 - Tiếp nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định của Công ty và quy định pháp luật có liên quan;
 - Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty trước Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các nhà đầu tư và những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo qui định;

- Điều chỉnh thông tin được công bố: Trong trường hợp, sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin đã công bố, (nếu có cơ sở), người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo qui định;
- Các nghĩa vụ khác do Tổng Giám đốc quyết định trong từng trường hợp cụ thể và theo quy định hiện hành của Công ty.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin, hình thức thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.baominh.com.vn hoặc trang thông tin điện tử chính thức khác của Công ty tại từng thời điểm;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam;
 - d. Báo in phát hành hàng ngày (nhật báo);
 - e. Các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật trong từng trường hợp cụ thể.
2. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo qui định trên trang thông tin điện tử:
 - a. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử phải được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - b. Trang thông tin điện tử phải có:
 - các nội dung về ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này;
 - chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và các nội dung khác theo yêu cầu qui định của pháp luật;
 - c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Hình thức của thông tin được công bố
 - a. Trường hợp thông tin công bố dưới hình thức văn bản: Phải là bản chính, bản sao y hợp lệ hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp;
 - b. Trường hợp thông tin công bố dưới hình thức dữ liệu điện tử: Phải là bản scan văn bản thỏa mãn điều kiện quy định tại điểm a khoản này và có định dạng PDF;

- c. Trường hợp thông tin công bố dưới hình thức dữ liệu điện tử phục vụ thống kê, giám sát phải là dữ liệu điện tử định dạng word/excel sử dụng bảng mã Unicode.
4. Công ty bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin đồng thời trên các phương tiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này trong mọi trường hợp công bố thông tin được quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 1 Điều này trong trường hợp có quy định cụ thể tại Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan;
6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc;
7. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 7. Điều chỉnh, tạm hoãn công bố thông tin

1. Điều chỉnh thông tin công bố
Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Bảo Minh nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.
2. Tạm hoãn công bố thông tin
 - a. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...) theo quy định pháp luật;
 - b. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin;
 - c. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Nội dung công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nội dung dưới đây:

1. Báo cáo tài chính, tình hình tài chính của Công ty;
2. Các sản phẩm bảo hiểm của Công ty;

3. Mô hình tổ chức, quản lý công ty;
4. Quản trị công ty;
5. Thu nhập của Tổng Giám đốc;
6. Các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ trong Công ty hoặc với những người liên quan của người nội bộ trong Công ty được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều lệ;
7. Thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
8. Thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn;
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
10. Khi niêm yết trái phiếu;
11. Khi phát hành trái phiếu ra công chúng;
12. Các thông tin khác phải công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Công bố báo cáo tài chính
 - 1.1. *Trách nhiệm công bố báo cáo tài chính*
 - a. Công ty phải công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty toàn bộ nội dung các báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm;
 - b. Công ty phải công bố công khai trên báo in ra hàng ngày trong 03 số báo liên tiếp các thông tin bao gồm: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính tóm tắt theo Mẫu số 1-CBTT, Mẫu số 2-CBTT ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày [] về []. Khi công bố công khai phải kèm theo ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - c. Thông tin công bố phải phù hợp với báo cáo tài chính của Công ty đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán và xác nhận;
 - d. **Báo cáo tài chính bán niên** phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập phù hợp với quy định pháp luật. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;
 - e. **Báo cáo tài chính quý** phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập phù hợp với quy định pháp luật. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được

soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

- f. **Báo cáo tài chính năm** phải là báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập;
- g. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên,

1.2. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính

a. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
- Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên tối đa 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính,

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.
- Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp hoặc trường hợp khác theo luật định thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý tối đa 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý,

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

- Việc công bố thông tin quy định tại điểm a, điểm b khoản 1.1 Điều này phải thực hiện trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày công bố thông tin quy định tại điểm b khoản 1.1 Điều này, Công ty phải gửi bản chính hoặc bản sao các thông tin đã công bố đến Cục Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính.
2. Công bố thông tin về sản phẩm bảo hiểm
 - a. Công ty phải công bố thông tin về tất cả các sản phẩm bảo hiểm đang được Công ty triển khai kinh doanh bao gồm: Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, mẫu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các tài liệu có liên quan trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và của Công ty;
 - b. Trong thời hạn 15 ngày đầu mỗi tháng, Công ty phải công bố các sản phẩm bảo hiểm được phép triển khai trong tháng trước liền kề (nếu có) bao gồm: Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, mẫu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các tài liệu có liên quan trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam.
 3. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty
 - a. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty theo quy định tại Điều lệ hiện hành, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
 - b. Trong trường hợp thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.
 4. Công bố thông tin về quản trị công ty
 - a. Công ty phải công bố thông tin về: tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên trong Báo cáo thường niên của công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các thông tin khác có liên quan đến quản trị công ty;
 - b. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty quy định tại điểm a khoản này định kỳ 06 tháng.
 5. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc

Tiền lương của Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn theo qui định tại Điều lệ phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 6. Công bố thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
 - a. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán về việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu Giấy ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên HĐQT; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;

- b. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- c. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên phải được công bố theo quy định tại Quy chế này.

7. Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn

- a. Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;
- b. Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ gần nhất;

- c. Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

8. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật, các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:

- a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;
- b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

- c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- j. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán, Công ty sẽ công bố thông tin trong vòng 10 ngày

đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin,

- l. Khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động được sửa đổi, bổ sung;
- m. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC;
- n. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- o. Khi nhận được bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận có hiệu lực pháp luật của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- q. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- r. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- s. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
- t. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- u. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- v. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài.
 - Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Quy chế này;

- b. Trường hợp lấy ý kiến ĐHCĐCD bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHCĐCD và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết,
- Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
 - Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường trong một số trường hợp đặc biệt

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt dưới đây:

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
2. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
3. Sau khi bị chia, tách, sáp nhập, Công ty công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc Công ty chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm khác, Công ty phải công bố về việc chuyển giao như sau:
 - a. Đăng bố cáo về việc chuyển giao trên 02 tờ báo ra hàng ngày trong 05 số liên tiếp bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên và địa chỉ của Công ty và doanh nghiệp nhận chuyển giao;
 - Loại nghiệp vụ bảo hiểm và số lượng hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao;
 - Thời gian dự kiến thực hiện việc chuyển giao;
 - Địa chỉ giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của bên mua bảo hiểm liên quan đến việc chuyển giao.
 - b. Gửi thông báo kèm theo tóm tắt kế hoạch chuyển giao cho từng bên mua bảo hiểm. Thông báo gửi cho bên mua bảo hiểm phải nêu rõ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, bên mua bảo hiểm được phép hủy hợp đồng bảo hiểm nếu không đồng ý với kế hoạch chuyển giao và ngày kế hoạch chuyển giao chính thức có hiệu lực.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:
 - a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có),

Điều 13. Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu

Khi niêm yết trái phiếu, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy chế này.

Điều 14. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu ra công chúng

1. Khi phát hành trái phiếu ra công chúng, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng;
2. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:
 - a. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

- b. Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, Công ty phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn;

- c. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;
 - d. Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 12 Quy chế này,

CHƯƠNG IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu,...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở Giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký,
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này;
4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan;
5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 16. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn;
2. Cổ đông lớn khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... của Công ty) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC;
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán;
4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu;
5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này,

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

1. Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và Công ty về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (*trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký*) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và Công ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (*nếu có*) theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;
3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông quy định tại Điều này, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Pháp nhân, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty và Công ty trong trường hợp bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua cổ phiếu quỹ

1. Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan;
2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu,

CHƯƠNG V

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 20. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, định kỳ đôn đốc các Phòng, Ban chức năng cung cấp thông tin theo quy định tại Quy chế này.
2. Các cá nhân có liên quan, các Trưởng / Giám đốc các Phòng / Ban / Trung tâm / công ty thành viên có trách nhiệm:
 - Chủ động phối hợp, hỗ trợ các công việc cần thiết, cung cấp các thông tin, tài liệu thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình liên quan đến việc công bố thông tin cho người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin;
 - Tích cực hỗ trợ, kịp thời cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình cho người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin khi có yêu cầu;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, thông tin do mình cung cấp;
 - Các cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc các Trưởng / Giám đốc các Phòng / Ban / Trung tâm / Công ty thành viên nơi phát sinh sự kiện phải công bố thông tin bất thường quy định tại Quy chế này phải chủ động thông báo và cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết cho người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin trong thời hạn 12 giờ, kể từ thời điểm phát sinh sự kiện phải công bố thông tin bất thường;
 - Trường hợp vi phạm trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin cho người được Tổng Giám đốc ủy quyền công bố thông tin nêu trên, người vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của Công ty và quy định pháp luật.
3. Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm tổng hợp các thông tin, trình Phó Tổng giám đốc phụ trách (nếu có), Tổng giám đốc phê duyệt: Nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố thông tin theo qui định.
4. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Tổng giám đốc kết quả thực hiện.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Công ty thực hiện công bố Quy chế này trên trang thông tin điện tử của Công ty và được phổ biến đến toàn bộ các nhân viên của Công ty;
2. Công ty thực hiện trách nhiệm báo cáo và gửi Quy chế này cho Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật,

Điều 22. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Cá nhân, đơn vị trong Công ty có hành vi vi phạm Quy chế này, vi phạm các quy định pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế cho các quy định đã ban hành trước đây;
2. Trường hợp các mẫu văn bản ban hành kèm theo các văn bản pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ thì sẽ được áp dụng theo mẫu văn bản mới được sửa đổi, thay thế đó và theo quy định pháp luật mới tương ứng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Song Lai

